

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 55/2015/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2015

THÔNG TƯ

**Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh
Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Long An và khu vực quản lý
của Cảng vụ Hàng hải Mỹ Tho**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông Vận tải;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang tại Công văn số 4810/UBND-KTN ngày 30 tháng 9 năm 2014; Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre tại Công văn số 4465/UBND-KTN ngày 16 tháng 9 năm 2014 và Công văn số 4021/UBND-KTN ngày 10 tháng 8 năm 2015; Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long tại Công văn số 3118/UBND-KTN ngày 17 tháng 10 năm 2014; Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 4783/UBND-ĐTMT ngày 17 tháng 9 năm 2014 và Ủy ban nhân dân tỉnh Long An tại Công văn số 1508/UBND-KT ngày 24 tháng 4 năm 2015;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Long An và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Mỹ Tho.

Điều 1. Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long và Long An

Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long và Long An bao gồm các vùng nước sau:

1. Vùng nước cảng biển Tiền Giang.
2. Vùng nước cảng biển Bến Tre.
3. Vùng nước cảng biển Vĩnh Long.
4. Vùng nước cảng biển Long An.

Điều 2. Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long và Long An

Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long và Long An tính theo mực nước thủy triều lớn nhất được quy định cụ thể như sau:

1. Phạm vi vùng nước cảng biển Tiền Giang:**a) Ranh giới về phía biển:**

Từ điểm MT1 có tọa độ: $10^{\circ}16'07''$ N, $106^{\circ}45'20''$ E chạy dọc theo bờ biển về hướng Bắc đến đường vĩ tuyến $10^{\circ}28'56''$ N, chạy dọc đường vĩ tuyến trên về hướng Đông đến biên trái mép luồng Soài Rạp (tính từ biển vào). Chạy dọc theo biên trái mép luồng Soài Rạp (tính từ biển vào) về phía biển đến đường kinh tuyến $106^{\circ}49'30''$ E, chạy dọc theo đường kinh tuyến trên về hướng Nam đến điểm SR4 có tọa độ: $10^{\circ}15'00''$ N, $106^{\circ}49'30''$ E. Nối theo thứ tự lần lượt các điểm SR4, SR3, MT2, MT3, MT4 bằng các đoạn thẳng. Các điểm SR3, MT2, MT3 và MT4 có tọa độ như sau:

SR3: $10^{\circ}15'00''$ N, $107^{\circ}00'00''$ E;

MT2: $10^{\circ}10'53''$ N, $106^{\circ}59'54''$ E;

MT3: $10^{\circ}10'53''$ N, $106^{\circ}47'36''$ E;

MT4: $10^{\circ}12'30''$ N, $106^{\circ}47'51''$ E.

b) Ranh giới về phía đất liền:

Từ hai điểm MT1 và MT4 chạy dọc theo hai bờ sông Tiền đến đường thẳng cắt ngang sông qua hai điểm MT5 và MT6 cách mép cầu cảng Mỹ Tho 500 mét về phía thượng lưu. Hai điểm MT5 và MT6 có tọa độ như sau:

MT5: $10^{\circ}20'08''$ N, $106^{\circ}19'08''$ E;

MT6: $10^{\circ}20'29''$ N, $106^{\circ}19'07''$ E.

Giới hạn vùng nước tại các cửa sông, cửa rạch dọc theo hai bên bờ sông Tiền là đường thẳng nối hai điểm nhô ra nhất ở hai bên cửa sông, cửa rạch.

2. Phạm vi vùng nước cảng biển Bến Tre:**a) Ranh giới về phía biển:**

Được giới hạn bởi các đường thẳng nối lần lượt các điểm BT1, MT3, MT2, BT2, BT3, BT4. Các điểm BT1, BT2, BT3 và BT4 có tọa độ như sau:

BT1: $10^{\circ}09'02''$ N, $106^{\circ}47'23''$ E;

BT2: $9^{\circ}40'04''$ N, $107^{\circ}00'01''$ E;

BT3: $9^{\circ}40'04''$ N, $106^{\circ}43'54''$ E;

BT4: $9^{\circ}47'14''$ N, $106^{\circ}37'02''$ E.

b) Ranh giới về phía đất liền:

Từ điểm BT1 chạy dọc theo bờ biển về hướng Nam qua cửa Đại, cửa Ba Lai, đến điểm BT6 có tọa độ: $10^{\circ}00'44''$ N, $106^{\circ}41'19''$ E, nối bằng đoạn thẳng đến điểm BT5 có tọa độ: $9^{\circ}53'03''$ N, $106^{\circ}41'08''$ E. Từ điểm BT5 chạy dọc theo bờ biển về hướng Nam đến điểm BT4.

c) Ranh giới tại khu vực Giao Long: là các đường tròn có bán kính 350 mét, với tâm tại các điểm GL1, GL2, GL3 có tọa độ như sau:

GL1: $10^{\circ}19'04''$ N, $106^{\circ}25'41''$ E;

GL2: $10^{\circ}19'11''$ N, $106^{\circ}25'29''$ E;

GL3: $10^{\circ}19'19''$ N, $106^{\circ}25'16''$ E.

d) Ranh giới trên sông Hàm Luông: là các đường tròn có đường kính 350 mét, với tâm tại các điểm HL1, HL2, HL3 có tọa độ như sau:

HL1: $10^{\circ}12'55''$ N, $106^{\circ}21'03''$ E;

HL2: $10^{\circ}12'46''$ N, $106^{\circ}21'11''$ E;

HL3: $10^{\circ}12'36''$ N, $106^{\circ}21'20''$ E.

3. Phạm vi vùng nước cảng biển Vĩnh Long:

a) Ranh giới phía thượng lưu: được giới hạn bởi đường thẳng từ điểm VL1 có tọa độ: $10^{\circ}15'40''$ N, $105^{\circ}56'49''$ E, cách mép cầu cảng Vĩnh Long 500 mét về phía thượng lưu nối vuông góc với mép ngoài tuyến luồng sông Cổ Chiên, chạy dọc theo bờ sông và mép ngoài tuyến luồng sông Cổ Chiên đến ranh giới phía hạ lưu cầu cảng;

b) Ranh giới phía hạ lưu: là đường thẳng từ điểm VL2 có tọa độ: $10^{\circ}15'34''$ N, $105^{\circ}57'23''$ E, cách mép cầu cảng Vĩnh Long 500 mét về phía hạ lưu nối vuông góc với mép ngoài tuyến luồng sông Cổ Chiên.

4. Phạm vi vùng nước cảng biển Long An:

Từ giao điểm của bờ trái sông Soài Rạp (tính từ biển vào) và đường vĩ tuyến: $10^{\circ}28'56''$ N chạy dọc theo bờ trái sông Soài Rạp về hướng Bắc đến đường vĩ tuyến: $10^{\circ}34'41''$ N (đường vĩ tuyến: $10^{\circ}34'41''$ N đi qua giao điểm giữa đường ranh giới tỉnh Long An - thành phố Hồ Chí Minh và bờ sông Soài Rạp), chạy dọc theo đường vĩ tuyến $10^{\circ}34'41''$ N về hướng Đông đến biên trái luồng Soài Rạp (tính từ biển vào), chạy dọc theo biên trái luồng Soài Rạp về phía biển đến đường vĩ tuyến $10^{\circ}28'56''$ N, chạy dọc theo đường vĩ tuyến này về hướng Tây đến bờ trái sông Soài Rạp.

5. Ranh giới vùng nước cảng biển quy định tại Thông tư này được xác định trên Hải đồ số I-300-08 của Hải quân nhân dân Việt Nam xuất bản năm 1978. Tọa độ các điểm quy định trong Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển sang các hệ tọa độ khác tương ứng như sau: